TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC BÌNH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2023/DSST
Ngày: 18/7/2023
" V/v tranh chấp
Di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH - BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh
Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Phương Dung
Bà Phạm Thị Bích Lệ
- Thư kY phiên tòa: Ông Bá Văn Nhân, Thư kY Tòa án huyện Bắc Bình
- Đại diện Viện kiểm sát huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Dung, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lY số: 55/2021/TLST-DS ngày 14/6/2021 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐST-DS ngày 16/6/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐST-DS ngày 04/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn H - sinh năm 1987
Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Y - sinh năm 1959
Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.
Theo Giấy ủy quyền lập ngày 20/5/2021
Bị đơn: Ông Huỳnh Đình B1 - sinh năm 1957
Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn C, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Ông Huỳnh Đình H1 - sinh năm 1950
Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
2. Bà Hoàng Thị L - sinh năm 1961
3. Ông Huỳnh Đình L1 - sinh năm 1979
4. Bà Huỳnh Thị Mỹ H2 - sinh năm 1981
Cùng địa chỉ: Thôn I, xã N, huyện B, tỉnh Bình Thuận.
Bà Hoàng Thị L và ông Huỳnh Đình L1 ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Mỹ H2
5. Bà Nguyễn Thị Y- sinh năm 1959
6. Ông Huỳnh Văn D - sinh năm 1984
Cùng địa chỉ: Khu phố T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.
Ông Huỳnh Văn D ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Y
7. Bà Nguyễn Thị H3 - sinh năm 1966
8. Bà Nguyễn Thị T1 - sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Thôn I, xã N, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Bà Nguyễn Thị T1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H3

9. Ông Huỳnh Đình T2 - sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn C, xã U, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

10. Ông Huỳnh Đình T3 - sinh năm 1968

11. Ông Huỳnh Đình T4 - sinh năm 1973

12. Bà Huỳnh Thị Lệ T5 - sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Khu phố T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

13. Ông Huỳnh Đình N1 – sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận;

14. UBND huyện Bắc Bình

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoài O– Phó Chủ tịch UBND thị trấn C (Theo văn bản ủy quyền số 1568/UBND-NC ngày 28/6/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 20/5/2021, bản tự khai ngày 17/9/2021 của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và bản tự khai ngày 12/8/2021 của bà Nguyễn Thị Y đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Ông bà nội là ông Huỳnh Đình T6 và bà Phạm Thị K xác lập quan hệ vợ chồng có tất cả là 09 người con là: Ông Huỳnh Đình H1, ông Huỳnh Đình B1, ông Huỳnh Đình T7 (Lâu), ông Huỳnh Đình T9, ông Huỳnh Đình T8, ông Huỳnh Đình T2, ông Huỳnh Đình T3, ông Huỳnh Đình T4, bà Huỳnh Thị Lệ T5.

Ông Huỳnh Đình T6 chết năm 1987, ông Huỳnh Đình T7 (Lâu) chết năm 1987, ông Huỳnh Đình T8 chết năm 1993, Phạm Thị K chết năm 2013.

Ông Huỳnh Đình T6 và bà Phạm Thị K chết không để lại di chúc. Di sản của ông T và bà K để lại là 3.000m^2 đất tại khu phố T, thị trấn C trên đất có 01 căn nhà thờ cũ đã xuống cấp.

Năm 2012 Tất cả anh em trong gia đình đã họp thống nhất chia di sản (không có biên bản) bằng hình thức bốc thăm diện tích đất 3000m^2 như sau:

Ông Huỳnh Đình H1 được chia 01 lô đất

Ông Huỳnh Đình T7 (Lâu) được chia 01 lô đất vì ông T7 chết nên vợ con ông T7 sẽ nhận thay.

Ông Huỳnh Đình T9 được chia 01 lô đất

Ông Huỳnh Đình T8 được chia 01 lô đất vì ông T8 chết nên vợ con ông T8 sẽ nhận thay

Ông Huỳnh Đình T2 được chia 01 lô đất

Ông Huỳnh Đình T3 được chia 01 lô đất

Ông Huỳnh Đình T4 được chia 01 lô đất

Bà Huỳnh Thị Lệ T5 được chia 01 lô đất

Phần còn lại giao cho ông Huỳnh Đình B1.

Đối với căn nhà thờ cũ đã xuống cấp trên diện tích đất 3.000m^2 hiện nay đã hư hỏng nên không tranh chấp gì.

Sau khi được chia đất năm 2012 bà T5 cất nhà ở từ đó đến nay.

Năm 2013 vợ chồng bà Y và con cất nhà ở trên diện tích đất 148,8 m^2 ở từ đó đến nay.

Năm 2015 chồng bà Y là ông Huỳnh Đình T9 mất không để lại di chúc.

Trong quá trình sinh sống tại mảnh đất này thì ông Huỳnh Đình B1 nhiều lần đến nhà bà Y đòi lấy khúc đất phía sau nhà bà để trồng chuối, bà Y ngăn chặn thì bị đánh. Ông B1 nói đất của cha mẹ chia phần cho chồng bà Y nay chồng bà chết thì ông lấy lại mẹ con bà Y phải dỡ nhà đi chỗ khác.

Diện tích đất đang tranh chấp hiện nay đã có tên trên bản đồ địa chính gồm 02 thửa số 687 diện tích 524,7 m^2 tờ bản đồ số 14 tên ông Huỳnh Đình N1 và thửa số 688 diện tích 199,6m^2 tờ bản đồ số 14 tên ông Huỳnh Đình B1 còn khoảng 500 m^2 chưa có tên trên bản đồ địa chính.

Cuộc họp gia đình năm 2012 tuy không thành lập bằng văn bản nhưng anh em trong gia đình ai cũng công nhận và hiện nay vẫn có giá trị đối với anh em trong gia đình, ông H cũng thống nhất với nội dung của cuộc họp này.

Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 3000m^2 và chia đều cho 09 người con.

Tại Toà hôm nay ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế và công nhận diện tích đất 159,4m^2 là phần di sản thừa kế mà cha ông là Huỳnh Đình T9 được hưởng trên đất có căn nhà diện tích 51,69m^2 để ông H đủ điều kiện làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra ông H không có yêu cầu gì khác.

Bà Y không bổ sung gì Y kiến thêm.

Theo biên bản ghi lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Đình Ba trình bày:

Cha mẹ ông là ông Huỳnh Đình T6 và bà Phạm Thị K xác lập quan hệ vợ chồng có tất cả là 09 người con là: Ông Huỳnh Đình H1, ông Huỳnh Đình B1, ông Huỳnh Đình T7 (Lâu), ông Huỳnh Đình T9, ông Huỳnh Đình T8, ông Huỳnh Đình T2, ông Huỳnh Đình T3, ông Huỳnh Đình T4, bà Huỳnh Thị Lệ T5.

Ông Huỳnh Đình T6 chết năm 1987, ông Huỳnh Đình T7 (Lâu) chết năm 1987, ông Huỳnh Đình T8 chết năm 1993, bà Phạm Thị K chết năm 2013.

Nguồn gốc di sản là của ông bà nội Huỳnh Đình L và bà Nguyễn Thị A cho cha mẹ không ai tranh chấp, diện tích 3.000m^2 đất tại khu phố T, thị trấn C trên đất có 01 căn nhà thờ đã cũ khi ông T6 và bà K mất không để lại di chúc. Từ nhỏ ông ở với ông bà nội, sau khi ông bà nội mất ông lấy vợ và quản lý tài sản trên.

Năm 2012 Tất cả anh em trong gia đình đã họp thống nhất chia di sản diện tích đất 3000m^2 (không có biên bản) như sau:

Ông Huỳnh Đình H1 được chia 01 lô đất

Ông Huỳnh Đình T7 (Lâu) được chia 01 lô đất vì ông T7 chết nên vợ con ông T7 sẽ nhận thay

Ông Huỳnh Đình T9 được chia 01 lô đất

Ông Huỳnh Đình T8 được chia 01 lô đất vì ông T8 chết nên vợ con ông T8 sẽ nhận thay

Ông Huỳnh Đình T2 được chia 01 lô đất

Ông Huỳnh Đình T3 được chia 01 lô đất

Ông Huỳnh Đình T4 được chia 01 lô đất

Bà Huỳnh Thị Lệ T5 được chia 01 lô đất

Phần diện tích đất còn lại và 01 căn nhà cấp 4 hiện nay đã hư hỏng giao cho ông quản lý và sử dụng.

Sau khi được chia đất năm 2012 bà T5 cất nhà ở từ đó đến nay.

Năm 2013 vợ chồng bà Y cất nhà ở từ đó đến nay.

Năm 2015 chồng bà Y là ông Huỳnh Đình T9 mất không để lại di chúc.

Đất hiện nay đã được quy chủ cho con trai ông là Huỳnh Đình N1 thửa số 687, diện tích 524,7m^2 quy chủ cho ông gồm các: thuộc thửa số 688, diện tích 1,999,6m^2; thửa số 691, diện tích 878,4m^2; thửa số 692 diện tích 240,7m^2; thửa số 690 diện tích 243,8m^2.

Việc họp gia đình vào năm 2012 phân chia đất cho mỗi người trong gia đình theo bà Y và ông H khai là có, nhưng việc thỏa thuận phân chia không lập giấy tờ gì do đó ông không công nhận kết quả đã thỏa thuận phân chia này. Ông không đồng Y theo yêu cầu của ông H và bà Y, chỉ đồng Y cho ở phần diện tích mà gia đình bà Y đã xây dựng, khi nào không ở nữa thì gia đình bà Y tháo dỡ nhà đi vì đất này là của ông nên ông không đồng Y chia cho ai hết.

Phần đất của ông N1 là ông cho N1 ở và xây dựng.

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Đình H1, ông Huỳnh Đình T2, ông Huỳnh Đình T3, bà Hoàng Thị L, bà Nguyễn Thị H3, ông Huỳnh Đình T4, bà Huỳnh Thị Lệ T5, ông Huỳnh Đình L1, bà Huỳnh Thị Mỹ H2, bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Đất đang tranh chấp có nguồn gốc của ông bà nội tên Huỳnh Đình L và bà Nguyễn Thị A để lại cho cha mẹ là Huỳnh Đình T6 và Phạm Thị K thừa hưởng từ trước đến nay không ai tranh chấp khiếu nại gì. Tài sản cha mẹ để lại gồm 3.000m^2 đất tọa lạc tại khu phố T, thị trấn C. Khi cha mẹ chết không làm di chúc để lại cho ai. Đồng thời xác nhận có sự việc năm 2012 anh em trong gia đình có họp phân chia đất cho mỗi người là ông Huỳnh Đình H1, ông Huỳnh Đình T2, ông Huỳnh Đình T3, vợ con ông Huỳnh Đình T7, vợ con ông Huỳnh Đình T8, ông Huỳnh Đình T4, ông Huỳnh Đình T9, bà Huỳnh Thị Lệ T5 mỗi người 01 lô đất, phần đất còn lại và nhà thờ chia cho ông B1.

Về yêu cầu của ông Huỳnh Văn H thì thống nhất, từ chối và không yêu cầu ông H, ông Dũng và bà Y hoàn lại kỷ phần trong phần di sản của mẹ con ông H được hưởng.

Tại phiên tòa hôm nay những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên thống nhất chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thống nhất chia cho những người thừa kế của ông Huỳnh Đình T9 được hưởng phần di sản của ông T9 diện tích đất là 159,4m^2 đây là di sản của cha mẹ để lại. Phần diện tích đất còn lại sẽ khởi kiện thành vụ án khác và thống nhất tất cả các anh em cùng quản lý phần di sản chưa chia này.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Bà Nguyễn Thị Y và Huỳnh Văn D trình bày: Ông D đã ủy quyền cho bà Y tham gia vụ kiện này, ông Huỳnh Đình T9 chồng bà Y chết năm 2015 không để lại di chúc, bà Y và ông Thanh có 02 người con là Huỳnh Văn H và Huỳnh Văn Dũng. Bà thống nhất với yêu cầu của ông Huỳnh Văn H yêu cầu công nhận diện tích đất gia đình được chia hiện nay là 159,4m^2 trên đất có căn nhà diện tích 51,69m^2 để mẹ con bà đủ điều kiện làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần di sản còn lại mẹ con bà không yêu cầu và tranh chấp gì.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Ông Huỳnh Đình N1 trình bày: Ba ông là Huỳnh Đình B1, ông có nghe ba ông kể lại là từ nhỏ ba ông đã ở với ông bà cố. Nguồn gốc đất ông nghe ba ông nói do ông bà cố để lại cho ông bà nội và ba ông quản lý và sử dụng. Khi ông lập gia đình thì ba ông có cho đất để vợ chồng ông xây dựng nhà ở, hiện nay đã được quy chủ cho ông thuộc thửa số 678 diện tích 524,7m^2 diện tích còn lại quy chủ cho ba ông.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H thì ông không có Y kiến gì, đây là tài sản của ông B1 nên để ông Ba quyết định.

- UBND huyện Bắc Bình người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hoài O trình bày: UBND thị trấn C có tiến hành hòa giải 02 lần việc tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Huỳnh Đình B1 nhưng hai bên không thỏa thuận được nên tiếp tục khởi kiện đến Tòa án.

Để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải có các điều kiện như sau: Là nguồn gốc đất, hiện trạng sử dụng và không có tranh chấp, đối với trường hợp này thì ngoài điều kiện trên phải có sự đồng ý của các đồng thừa kế.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật:

1. Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo qui định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165; Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 660 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-QH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lY và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Đình T9 là bà Nguyễn Thị Y, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn Dũng được hưởng phần di sản mà ông Huỳnh Đình T9 được thừa kế của ông Huỳnh Đình T6 và bà Phạm Thị K, là diện tích đất 159,4m^2 thuộc thửa 688, tờ bản đồ số 14 có địa chỉ tại khu phố T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Đất có tứ cận theo sơ đồ bản vẽ do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ ngày 19/8/2022.

Phần diện tích còn lại thuộc quyền quản lY, sử dụng chung của các đồng thừa kế Huỳnh Đình H1, Huỳnh Đình B1, Huỳnh Đình T2, Huỳnh Đình T3, Huỳnh Đình T4, Huỳnh Thị Lệ T5, Huỳnh Đình L, Huỳnh Thị Mỹ H2, Nguyễn Thị T1 và giao cho các đồng thừa kế nêu trên cùng quản lý.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đồng ý chịu toàn bộ chi phí thẩm định xem xét tại chổ và chi phí định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu tranh chấp của đương sự và đối tượng tranh chấp là di sản đất ở đô thị có diện tích 159,4m^2 tại thửa đất số 688, tờ bản đồ số 14, tọa lạc khu phố T, thị trấn C, huyện B, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chứng tỏ đây là vụ kiện "Tranh chấp về thừa kế tài sản" được Bộ luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn H yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất 3.000m^2. Tại phiên tòa ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện ông H chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế và công nhận diện tích đất 159,4m^2 là phần di sản thừa kế mà cha ông là Huỳnh Đình T9 được hưởng trên đất có căn nhà diện tích 51,69m^2 để ông H đủ điều kiện làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Đình B1 không đồng ý với yêu cầu của ông Huỳnh Văn H.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, tại giai đoạn giải quyết vụ án ông Huỳnh Văn H đã có cung cấp các chứng cứ: Biên bản hòa giải ngày 17/5/2021 của UBND TT C; Biên bản làm việc ngày 22/6/2020 bản photo; Biên bản ngày 24/3/2022 bản photo; Trích lục khai tử ông T, bà K và ông T9; Khai sinh ông D và ông H; Giấy ủy quyền ngày 18/6/2021; Chứng nhận kết hôn bà Y và ông T9; Giấy ủy uyền ngày 20/5/2021; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 24/2021/QĐST-DS, ngày 20/5/2021.

Bị đơn ông Huỳnh Đình B1 xuất trình chứng cứ; Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo ngày 02/01/1993 bản photo; Đơn xin xác nhận bản photo; Giấy cam đoan

nguồn gốc đất bản photo; 02 thông báo thuế nhà và đất bản photo; 01 biên lai nộp tiền bản photo; 09 tấm hình; Danh sách gia đình.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, chứng cứ và tài liệu do đương sự cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Huỳnh Đình T6 và vợ là bà Phạm Thị K có 09 người con gồm Huỳnh Đình H1, sinh năm 1950, Huỳnh Đình B1, sinh năm 1957, Huỳnh Đình T7, sinh năm 1959, chết năm 1987, Huỳnh Đình T9, sinh năm 1960, chết năm 2015, Huỳnh Đình T8, sinh năm 1963, chết năm 1993, Huỳnh Đình T2, sinh năm 1966, Huỳnh Đình T3, sinh năm 1968, Huỳnh Đình T4, sinh năm 1973 và Huỳnh Thị Lệ T5, sinh năm 1977 thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Ông Huỳnh Đình T6, chết năm 1987, Huỳnh Đình T7, chết năm 1987 nên con là Huỳnh Đình L1, Huỳnh Thị Mỹ H2 thừa kế thế vị; Huỳnh Đình T8, chết năm 1993 nên con Nguyễn Thị T1 thừa kế thế vị, bà Phạm Thị K chết năm 2013. Ngoài 09 người con trên thì ông T và bà K không có con riêng, con nuôi nào khác.

Năm 2015 ông Huỳnh Đình T9 chết không để lại di chúc nên bà Nguyễn Thị Y (vợ), ông Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn D (con) là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Đình T9. Do đó ông Huỳnh Văn H có quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế.

Theo nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất về nguồn gốc di sản mà đương sự tranh chấp là của ông Huỳnh Đình T6 và bà Phạm Thị K để lại diện tích đất 3000m^2 tọa lạc tại khu phố T, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận, trên đất có một căn nhà thờ.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì diện tích đất tranh chấp là 3.887,2m^2 trong đó diện tích đất thổ cư là 500m^2, diện tích đất trồng cây lâu năm là 3.387,2m^2

Do ông Huỳnh Đình T6 và vợ là bà Phạm Thị K chết không để lại di chúc nên di sản gồm 3.887,2m^2 đất tại khu phố T, thị trấn C thuộc quyền quản lY, sử dụng của các đồng thừa kế Huỳnh Đình H1, Huỳnh Đình Ba, Huỳnh Đình T9, Huỳnh Đình T2, Huỳnh Đình T3, Huỳnh Đình T4, Huỳnh Thị Lệ T5, Huỳnh Đình Long, Huỳnh Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Thiện.

Nguyên đơn yêu cầu chia di sản cho ông Huỳnh Đình T9 được hưởng thực tế là 159,4m^2 thuộc thửa số 688 tờ bản đồ số 14 trên đất có căn nhà do vợ chồng ông Thanh và bà Nguyễn Thị Y cùng xây dựng và ở ổn định từ năm 2013. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Đình T9 chỉ yêu cầu nhận diện tích đất thực tế 159,4m^2 là không vượt quá kỷ phần ông T9 được hưởng, đồng thời các đồng thừa kế Huỳnh Đình H1, Huỳnh Đình T2, Huỳnh Đình T3, Huỳnh Đình L1, Huỳnh Thị Mỹ H2, Nguyễn Thị T1, ông Huỳnh Đình T4, bà Huỳnh Thị Lệ T5 cũng thống nhất chia cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông T9 diện tích đất có nhà đang ở là 159,4m^2.

Theo chứng cứ ông Huỳnh Đình B1 cung cấp, năm 1993 ông được UBND thị trấn C giải quyết giao cho ông quản lý, sử dụng căn nhà thờ tộc, theo đơn xin xác nhận năm 2005 thì diện tích đất ông xin xác nhận là 685m^2, trên đất có căn nhà thờ tộc, nguồn gốc đất do ông bà tộc họ để lại. Ông B1 khai là do ông bà nội để lại cho riêng ông nhưng không có tài liệu nào chứng minh. Như vậy ông B1 chỉ được giao quản lý sử dụng diện tích đất có căn nhà thờ, không được cấp giấy CNQSDĐ vì có

tranh chấp với các đồng thừa kế. Do đó việc ông Huỳnh Đình B1 cho rằng đây là tài sản của riêng ông là không có cơ sở chấp nhận.

Tại Công văn số 3388/UBND-NC ngày 16/12/2022 của UBND huyện Bắc Bình "v/v Phúc đáp công văn số 333/CV-TA ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình (Huỳnh Văn H-Huỳnh Đình B1)":

Tại mục 1 công văn: Thửa đất số 688, diện tích 1.999,6m^2 mục đích sử dụng là đất đô thị và cây lâu năm, trên đất có 03 căn nhà cấp 4 liền kề nhau, bao gồm: 01 căn nhà của ông Huỳnh Văn H (Nguyễn Thị Y), 01 căn nhà của bà Huỳnh Thị Lệ T5 và 01 căn nhà sử dụng là nhà thờ tộc.

Theo quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Bắc Bình thì vị trí 03 căn nhà trên phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở đô thị, nên phù hợp với mục đích sử dụng đất đối với 03 căn nhà trên.

Tại mục 2 công văn: …

Căn cứ khoản 3 Điều 6 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh Bình Thuận quy định về hạn mức đất ở; Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/NĐ-CP của Chính phủ thuộc trường hợp xét công nhận hạn mức đất ở đô thị là 500 m^2 (hộ gia đình từ 05 khẩu trở lên) " Trường hợp nhiều thế hệ chung sống trên cùng một thửa đất (đã tách hộ hoặc chưa tách hộ) thì số lượng nhân khẩu được tính là tất cả những người có tên trong sổ hộ khẩu và đang sống trên thửa đất đó", do đó nhà nước có thể xem xét, công nhận quyền sử dụng đất ở đô thị với diện tích 500/1.999,6m^2; diện tích còn lại phù hợp quy hoạch đất ở nếu các đồng thừa kế có nhu cầu thì lập thủ tục chuyển mục đích đất từ trồng cây lâu năm sang đất ở đô thị theo quy định.

…

Việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải có sự thống nhất của những người thừa kế theo pháp luật vì toàn bộ diện tích đất nêu trên có nguồn gốc do cha mẹ ông Huỳnh Đình Ba sử dụng ổn định trước năm 1993.

Tại Công văn số 1013/UBND-NC ngày 05/5/2022 của UBND huyện Bắc Bình "v/v Phúc đáp công văn số 386/CV-TA ngày 15/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình (Huỳnh Văn H-Huỳnh Đình B1)":

Tại mục 2 công văn: …

+ Thửa đất số 687, diện tích 524,7m^2 mục đích sử dụng là đất đô thị và cây lâu năm, hiện trạng do ông Huỳnh Đình N1 (con ông Huỳnh Đình B1) đang quản lý và sử dụng; Tuy nhiên sổ mục kê quy chủ người sử dụng đất là bà Huỳnh Thị Mỹ L2 (con ông Huỳnh Đình B1) là có sai sót trong quá trình biên tập bản đồ.

+ Thửa đất số 688, diện tích 1.999,6m^2 mục đích sử dụng là đất đô thị và cây lâu năm, trên đất có 03 căn nhà cấp 4 liền kề nhau, bao gồm: 01 căn nhà của ông Huỳnh Văn H (Nguyễn Thị Y), 01 căn nhà của bà Huỳnh Thị Lệ T5 và 01 căn nhà sử dụng là nhà thờ tộc. Tuy nhiên sổ mục kê quy chủ người sử dụng đất cho ông Huỳnh Đình B1 là không đúng thực tế, nguyên nhân do sai sót trong quá trình biên tập bản đồ.

Nội dung công văn số: 1013/UBND-NC ngày 05/5/2022 và số: 3388/UBND-NC ngày 16/12/2022 của UBND huyện Bắc Bình cung cấp thông tin xác nhận về nguồn gốc di sản là do ông nội thứ và ông bà nội ruột (của ông Huỳnh Đình B1) tạo

lập trước năm 1954, sau này ông Huỳnh Đình T6 và bà Phạm Thị K (cha mẹ ruột của ông Huỳnh Đình B1) tiếp tục sử dụng đến năm 1987 ông T chết, năm 2013 bà K chết. Như vậy đây là di sản của ông T và bà K chưa được chia và ông T và bà K chết không để lại di chúc nên khi các đồng thừa kế có yêu cầu chia thì Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết chia di sản theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Đình H1, Huỳnh Đình T2, Huỳnh Đình T3, Hoàng Thị L, Nguyễn Thị H3, Huỳnh Đình T4, Huỳnh Thị Lệ T5, Huỳnh Đình L1, Huỳnh Thị Mỹ H2, Nguyễn Thị T1 không yêu cầu nhận, hoàn lại kỷ phần chênh lệch và không yêu cầu chia diện tích di sản còn lại nên không xem xét.

Từ những căn cứ trên yêu cầu của ông Huỳnh Văn H là phù hợp và có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2009/PL- UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí tính theo mức tướng ứng với giá trị phần tài sản được hưởng trong khối di sản: 159,4m^2 x 600.000 đồng x1,78 =170.239.200 với mức án phí là 5% là 8.511.960 đồng.

Về chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 15.348.000 đồng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y đã nộp đủ số tiền 15.348.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng Y chịu toàn bộ chi phí thẩm định xem xét tại chỗ và chi phí định giá tài sản nên không hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lY án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị Y là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Đình T9 được hưởng di sản mà ông Huỳnh Đình T9 được thừa kế của ông Huỳnh Đình T6 và bà Phạm Thị K là diện tích đất 159,4m^2 trên đất có căn nhà diện tích 51,696m^2 thuộc thửa số 688, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố T, thị trấn C, huyện B (Theo sơ đồ bản vẽ do chi nhánh văn phòng đăng kY đất đai đo vẽ ngày 19/8/2022).

Phần diện tích còn lại thuộc quyền quản lý, sử dụng chung của các đồng thừa kế Huỳnh Đình H1, Huỳnh Đình B1, Huỳnh Đình T2, Huỳnh Đình T3, Huỳnh Đình

T4, Huỳnh Thị Lệ T5, Huỳnh Đình L1, Huỳnh Thị Mỹ H2, Nguyễn Thị T1 và giao cho các đồng thừa kế nêu trên cùng quản lý.

Về án phí: Ông Huỳnh Văn H phải nộp 8.511.960 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được cấn trừ vào số tiền ông H đã nộp 350.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001179 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Ông Huỳnh phải nộp thêm 8.161.960 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Huỳnh Văn H phải nộp 15.348.000 đồng, ông H đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên không phải nộp thêm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKS ND (tỉnh + huyện);
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

Thanh Nữ Kiều Oanh